

Số: 1571 /2024/BC-SHS

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2024

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 10/2024 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 10/2024

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA		DMC	AAA
2	ABT		DXS	ABT
3	ACB		FCN	ACB
4	ACC		FIT	ACC
5	ACG		FRT	ACG
6	ACL		PTB	ACL
7	ADS		VNL	ADS
8	AGG		TLD	AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	APG			APG
12	ASM			ASM
13	AST			AST
14	BAF			BAF
15	BCG			BCG
16	BCM			BCM
17	BFC			BFC
18	BHN			BHN
19	BIC			BIC
20	BID			BID
21	BKG			BKG
22	BMC			BMC
23	BMI			BMI
24	BMP			BMP
25	BRC			BRC
26	BSI			BSI
27	BTP			BTP



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	BVH			BVH
29	BWE			BWE
30	CCL			CCL
31	CDC			CDC
32	CHP			CHP
33	CII			CII
34	CLC			CLC
35	CMG			CMG
36	CNG			CNG
37	CRC			CRC
38	CSM			CSM
39	CSV			CSV
40	CTD			CTD
41	CTF			CTF
42	CTG			CTG
43	CTI			CTI
44	CTR			CTR
45	CTS			CTS
46	CVT			CVT
47	DBC			DBC
48	DBD			DBD
49	DBT			DBT
50	DC4			DC4
51	DCL			DCL
52	DCM			DCM
53	DGC			DGC
54	DGW			DGW
55	DHA			DHA
56	DHC			DHC
57	DHG			DHG
58	DHM			DHM
59	DIG			DIG
60	DPG			DMC
61	DPM			DPG
62	DPR			DPM
63	DRC			DPR
64	DRL			DRC
65	DSN			DRL
66	DVP			DSN
67	DXG			DVP
68	EIB			DXG
69	ELC			DXS
70	EVF			EIB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
71	FIR			ELC
72	FMC			EVF
73	FPT			FCN
74	FTS			FIR
75	GAS			FIT
76	GDT			FMC
77	GEG			FPT
78	GEX			FRT
79	GIL			FTS
80	GMD			GAS
81	GSP			GDT
82	GTA			GEG
83	GVR			GEX
84	HAH			GIL
85	HAP			GMD
86	HAR			GSP
87	HAX			GTA
88	HCD			GVR
89	HCM			HAH
90	HDB			HAP
91	HDC			HAR
92	HDG			HAX
93	HHP			HCD
94	HHS			HCM
95	HHV			HDB
96	HII			HDC
97	HMC			HDG
98	HPG			HHP
99	HPX			HHS
100	HQC			HHV
101	HSG			HII
102	HSL			HMC
103	HT1			HPG
104	HTI			HPX
105	HTL			HQC
106	HTN			HSG
107	HTV			HSL
108	HUB			HT1
109	HVH			HTI
110	IDI			HTL
111	IJC			HTN
112	ILB			HTV
113	IMP			HUB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
114	ITC			HVH
115	KBC			IDI
116	KDC			IJC
117	KDH			ILB
118	KHG			IMP
119	KHP			ITC
120	KMR			KBC
121	KOS			KDC
122	KSB			KDH
123	LBM			KHG
124	LCG			KHP
125	LHG			KMR
126	LIX			KOS
127	LPB			KSB
128	LSS			LBM
129	MBB			LCG
130	MIG			LHG
131	MSB			LIX
132	MSH			LPB
133	MSN			LSS
134	MWG			MBB
135	NAB			MIG
136	NAF			MSB
137	NBB			MSH
138	NCT			MSN
139	NHA			MWG
140	NHH			NAB
141	NKG			NAF
142	NLG			NBB
143	NNC			NCT
144	NSC			NHA
145	NTL			NHH
146	OCB			NKG
147	OPC			NLG
148	ORS			NNC
149	PAC			NSC
150	PAN			NTL
151	PC1			OCB
152	PDN			OPC
153	PDR			ORS
154	PET			PAC
155	PGC			PAN
156	PGD			PC1

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
157	PGI			PDN
158	PHC			PDR
159	PHR			PET
160	PJT			PGC
161	PLX			PGD
162	PNJ			PGI
163	POW			PHC
164	PPC			PHR
165	PVD			PJT
166	PVP			PLX
167	PVT			PNJ
168	REE			POW
169	SAB			PPC
170	SAM			PTB
171	SBA			PVD
172	SBT			PVP
173	SCR			PVT
174	SCS			REE
175	SFC			SAB
176	SFG			SAM
177	SFI			SBA
178	SGN			SBT
179	SHA			SCR
180	SHB			SCS
181	SHI			SFC
182	SHP			SFG
183	SIP			SFI
184	SJD			SGN
185	SJS			SHA
186	SKG			SHB
187	SMB			SHI
188	SRC			SHP
189	SSB			SIP
190	SSC			SJD
191	SSI			SJS
192	ST8			SKG
193	STB			SMB
194	STG			SRC
195	SVC			SSB
196	SVI			SSC
197	SVT			SSI
198	SZC			ST8
199	SZL			STB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
200	TBC			STG
201	TCB			SVC
202	TCD			SVI
203	TCH			SVT
204	TCI			SZC
205	TCL			SZL
206	TCM			TBC
207	TCO			TCB
208	TCT			TCD
209	TDG			TCH
210	TDM			TCI
211	TDP			TCL
212	TEG			TCM
213	THG			TCO
214	TIP			TCT
215	TLG			TDG
216	TMP			TDM
217	TMS			TDP
218	TN1			TEG
219	TNC			THG
220	TNH			TIP
221	TNT			TLD
222	TPB			TLG
223	TRA			TMP
224	TRC			TMS
225	TTA			TN1
226	TV2			TNC
227	TVS			TNH
228	TVT			TNT
229	UIC			TPB
230	VCB			TRA
231	VCG			TRC
232	VCI			TTA
233	VDP			TV2
234	VDS			TVS
235	VFG			TVT
236	VGC			UIC
237	VHC			VCB
238	VHM			VCG
239	VIB			VCI
240	VIC			VDP
241	VIP			VDS
242	VIX			VFG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
243	VJC			VGC
244	VND			VHC
245	VNM			VHM
246	VOS			VIB
247	VPB			VIC
248	VPG			VIP
249	VPI			VIX
250	VPS			VJC
251	VRC			VND
252	VRE			VNL
253	VSC			VNM
254	VSH			VOS
255	VSI			VPB
256	VTO			VPG
257	VTP			VPI
258	YBM			VPS
259	YEG			VRC
260				VRE
261				VSC
262				VSH
263				VSI
264				VTO
265				VTP
266				YBM
267				YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 10/2024

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB		BNA	BAB
2	BAX		SJE	BAX
3	BCF			BCF
4	BVS			BNA
5	CAP			BVS
6	CDN			CAP
7	CEO			CDN
8	CLH			CEO
9	CSC			CLH
10	DHP			CSC
11	DHT			DHP
12	DL1			DHT
13	DNP			DL1

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
14	DP3			DNP
15	DTD			DP3
16	DVM			DTD
17	DXP			DVM
18	EID			DXP
19	EVS			EID
20	GIC			EVS
21	GKM			GIC
22	GMX			GKM
23	HAT			GMX
24	HCC			HAT
25	HJS			HCC
26	HLC			HJS
27	HMR			HLC
28	HUT			HMR
29	HVT			HUT
30	IDC			HVT
31	IDV			IDC
32	INN			IDV
33	IPA			INN
34	LAS			IPA
35	LHC			LAS
36	LIG			LHC
37	MBS			LIG
38	MCF			MBS
39	MVB			MCF
40	NAG			MVB
41	NBC			NAG
42	NDN			NBC
43	NET			NDN
44	NTP			NET
45	PBP			NTP
46	PCE			PBP
47	PCH			PCE
48	PGN			PCH
49	PGS			PGN
50	PLC			PGS
51	PMC			PLC
52	PMS			PMC
53	PPS			PMS
54	PPT			PPS
55	PRE			PPT
56	PSD			PRE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
57	PSE			PSD
58	PSI			PSE
59	PSW			PSI
60	PVB			PSW
61	PVC			PVB
62	PVG			PVC
63	PVI			PVG
64	PVS			PVI
65	RCL			PVS
66	S55			RCL
67	S99			S55
68	SCI			S99
69	SD5			SCI
70	SD9			SD5
71	SED			SD9
72	SGC			SED
73	SHN			SGC
74	SLS			SHN
75	TA9			SJE
76	TDT			SLS
77	THT			TA9
78	TIG			TDT
79	TMB			THT
80	TNG			TIG
81	TPP			TMB
82	TTC			TNG
83	TTT			TPP
84	TV4			TTC
85	TVD			TTT
86	VBC			TV4
87	VC3			TVD
88	VC7			VBC
89	VCC			VC3
90	VCS			VC7
91	VFS			VCC
92	VGS			VCS
93	VHE			VFS
94	VIF			VGS
95	VNC			VHE
96	VNR			VIF
97	WCS			VNC
98				VNR
99				WCS

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 10/2024 là <https://www.shs.com.vn/News/20241111/1012443/shs-dinh-chinh-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-10-2024.aspx>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát

Nguyễn Minh Hạnh



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chí Thành

